

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức. Học sinh ôn tập các kiến thức về:

- Dinh dưỡng và tiêu hóa ở động vật.
- Hô hấp ở động vật.
- Tuần hoàn ở động vật.

2. Kỹ năng: Học sinh rèn luyện các kỹ năng:

- Làm bài trắc nghiệm
- Vận dụng kiến thức để giải thích các hiện tượng liên quan thực tiễn.
- Rèn luyện tư duy, kỹ năng quan sát, suy luận và so sánh.
- Rèn thói quen sinh hoạt luyện tập TDDT tốt cho sức khỏe.

II. NỘI DUNG

1. Cấu trúc đề thi:

Phần I: Gồm 18 câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. 0,25đ/câu. Tổng điểm 4,5 điểm

Phần II: Gồm 4 câu trắc nghiệm dạng Đúng/Sai, 4 ý/câu. Tổng điểm: 4 điểm

- + HS trả lời chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm
- + HS trả lời chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm
- + HS trả lời chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,5 điểm
- + HS trả lời chính xác 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm

Phần III: Các câu hỏi tự luận. Gồm 2 câu. Tổng điểm 1,5 điểm

2. Ma trận

Nội dung	Cấp độ tư duy								
	PHẦN I			PHẦN II			PHẦN III		
	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
Dinh dưỡng và tiêu hóa ở động vật	4	1		1	2	1			1
Hô hấp ở động vật.	4	2		2	1	1			
Tuần hoàn ở động vật.	4	2	1	1	4	3			
TỔNG	12	5	1	4	7	5	1		1
	18			16			2		

3. Câu hỏi minh họa

A. PHẦN I: Mỗi câu hỏi chỉ chọn một phương án.

* Nhận biết

Câu 1: Quá trình dinh dưỡng gồm có các giai đoạn là

- A. lấy nước, lấy thức ăn, hấp thụ nước và đồng hóa các chất.
- B. lấy thức ăn, tiêu hóa thức ăn, hấp thụ chất dinh dưỡng và đồng hóa các chất.
- C. lấy thức ăn, tiêu hóa thức ăn và bài tiết chất thải.
- D. tiêu hóa thức ăn, hấp thụ chất dinh dưỡng và đồng hóa các chất.

Câu 2: Tiêu hóa nội bào, là quá trình tiêu hóa thức ăn

- A. bên trong tế bào, nhờ quá trình hô hấp tế bào.
- B. bên trong tế bào, nhờ các enzyme trong hệ tiêu hóa
- C. bên ngoài tế bào, nhờ enzyme tiêu hóa và hoạt động cơ học

D. bên trong tế bào, nhờ enzyme tiêu hóa và hoạt động cơ học

Câu 3: Các động vật nào sau đây có túi tiêu hóa

A. San hô, thủy tức, sứa.

B. San hô, thủy tức, giun đất, sứa.

C. San hô, sứa, châu chấu.

D. San hô, thủy tức, châu chấu.

Câu 4: Ở động vật có ống tiêu hoá, quá trình tiêu hoá hoá học diễn ra chủ yếu ở

A. thực quản.

B. dạ dày.

C. ruột non.

D. ruột già.

Câu 5: Enzyme nào dưới đây có trong nước bọt giúp thủy phân tinh bột trong thức ăn thành đường maltose?

A. Enzyme amylase.

B. Enzyme pepsin.

C. Enzyme lactase.

D. Enzyme sucrase.

Câu 6: Dịch mật có vai trò quan trọng trong việc tiêu hóa và hấp thụ chất nào sau đây?

A. Protein.

B. Tinh bột.

C. Lipid.

D. Protein và tinh bột.

Câu 7: Đặc điểm nào của ruột non tạo ra diện tích hấp thụ rất lớn từ 250 – 300 m²?

A. Ruột non có nhiều nếp gấp và dịch vị.

B. Ruột non có nhiều nếp gấp, lông ruột và vi nhung mao.

C. Có hình ống thẳng dài 20 – 30 cm.

D. Phình to, có nhiều cơ co bóp và vi nhung mao.

Câu 8: Phát biểu nào đúng khi nói về vai trò của hô hấp?

A. Hô hấp lấy O₂ từ môi trường cung cấp cho hô hấp tế bào, tạo năng lượng cho hoạt động sống.

B. Hô hấp lấy CO₂ từ môi trường cung cấp cho hô hấp tế bào, tạo năng lượng cho hoạt động sống.

C. Hô hấp thải CO₂ sinh ra từ quá trình chuyển hóa ra ngoài, làm mất cân bằng môi trường trong cơ thể.

D. Hô hấp lấy CO₂ và thải ra O₂ giúp đảm bảo cân bằng môi trường trong cơ thể.

Câu 9: Bề mặt trao đổi khí là cơ quan hay bộ phận

A. các tế bào trao đổi O₂ và CO₂ với nhau.

B. trao đổi khí O₂ và CO₂ với tế bào.

C. trao đổi khí O₂ và CO₂ với môi trường.

D. trao đổi khí O₂ và CO₂ với động vật khác.

Câu 10: Động vật sau đây trao đổi khí qua ống khí là

A. giun đốt, châu chấu.

B. lươn, dế mèn.

C. ong, gián.

D. chim bồ câu, cá.

Câu 11: Thông khí ở côn trùng là

A. nhờ khí O₂ và CO₂ khuếch tán qua toàn bộ bề mặt cơ thể.

B. nhờ hoạt động của các cơ hô hấp làm thay đổi thể tích khoang miệng và khoang mang.

C. nhờ hoạt động của các cơ hô hấp làm thay đổi thể tích khoang thân, phối hợp với đóng, mở các van lỗ thở.

D. nhờ hoạt động của các cơ hô hấp làm thay đổi thể tích các van lỗ thở, phối hợp với đóng, mở thành bụng.

Câu 12: Phổi ở người có diện tích bề mặt trao đổi khí rất lớn là do

A. phổi được cấu tạo từ hàng triệu phế nang.

B. phổi được cấu tạo từ hàng triệu khí quản.

C. phổi có các van đóng, mở phối hợp nhịp nhàng.

D. phổi có hệ thống túi khí nhiều và phân nhánh.

Câu 13: Cơ quan trao đổi khí của Chim là

A. hệ thống túi khí

B. hệ thống ống khí

C. hệ thống túi khí và phổi

D. phổi

Câu 14: Hoạt động của những loại cơ nào dưới đây gây ra cử động hít vào thở ra bình thường của người?

A. Cơ liên sườn và cơ hoành.

B. Cơ bụng và cơ vai.

C. Cơ vai và cơ hoành.

D. Cơ liên sườn và cơ lưng.

Câu 15: Hệ tuần hoàn kép có ở

A. lưỡng cư, bò sát, sâu bọ.

B. cá, thú, giun đất.

C. lưỡng cư, chim, thú.

D. bò sát, chim, thú.

Câu 16: Tim của người có mấy ngăn và mấy van ?

A. 3 ngăn, 3 van tim

B. 4 ngăn, 4 van tim

C. 4 ngăn, 2 van tim

D. 2 ngăn, 1 van tim

Câu 17: Khả năng co giãn tự động theo chu kì là nhờ hoạt động của

A. các van tim.

B. hệ dẫn truyền tim.

C. hệ mạch máu.

D. tâm thất

Câu 18: Hệ dẫn truyền tim bao gồm

A. nút xoang nhĩ, nút nhĩ thất, bó His và mạng Purkinje.

B. tim, nút xoang nhĩ, nút nhĩ thất, bó His và mạng Purkinje.

C. tâm thất, nút nhĩ thất, bó His và mạng Purkinje.

D. tâm nhĩ, nút xoang nhĩ, nút nhĩ thất, bó His

Câu 19: Ở người trưởng thành, thời gian của một chu kì tim là

A. 1,2s

B. 1s

C. 0,8s

D. 1,5s

Câu 20: Huyết áp là

A. áp lực dòng máu lên thành mạch

B. áp suất thẩm thấu của dung dịch máu.

C. áp lực dòng máu lên thành cơ tim.

D. vận tốc máu chảy trong 1 giây.

*** Thông hiểu**

Câu 1: Các nhu động của ruột non có tác dụng

A. làm nhỏ thức ăn, hấp thụ lại nước và đẩy thức ăn về phía ruột già.

B. nhào trộn thức ăn với enzyme lysosome, đồng thời đẩy thức ăn dịch chuyển trong ruột non về phía ruột già.

C. nhào trộn thức ăn với dịch tụy, dịch mật, dịch ruột, đồng thời đẩy thức ăn dịch chuyển trong ruột non về phía dạ dày.

D. nhào trộn thức ăn với dịch tụy, dịch mật, dịch ruột, đồng thời đẩy thức ăn dịch chuyển trong ruột non về phía ruột già.

Câu 2: Chế độ ăn uống khoa học là

A. chế độ ăn uống bổ sung nhiều chất béo và chất xơ.

B. chế độ ăn uống nhiều rau xanh và chất xơ.

C. chế độ ăn uống đủ năng lượng và đủ muối khoáng mà cơ thể cần.

D. chế độ ăn uống đủ năng lượng và đủ các chất mà cơ thể cần.

Câu 3: Vì sao lưỡng cư có thể sống được cả ở môi trường nước và môi trường cạn?

A. Vì nguồn thức ăn ở hai môi trường đều phong phú và đa dạng.

B. Vì chi của chúng có màng, vừa bơi được dưới nước và vừa nhảy được ở trên cạn.

C. Vì da của chúng ẩm ướt khi ở dưới nước và khô ráo khi ở trên cạn.

D. Vì lưỡng cư có khả năng hô hấp bằng da và phổi.

Câu 4: Rèn luyện thể dục, thể thao có lợi ích gì đối với hệ hô hấp?

A. Giúp cơ hô hấp phát triển to hơn, săn chắc hơn, co khỏe hơn.

B. Giúp tăng nhịp thở, lấy được nhiều khí oxygen hơn.

C. Giúp giảm thể tích khi hít vào hoặc thở ra, giảm áp lực lên phổi.

D. Giúp phòng chống mọi bệnh tật gây ra với hệ hô hấp.

Câu 5: Trong hệ mạch, huyết áp giảm dần từ

A. tĩnh mạch chủ → mao mạch → động mạch chủ.

B. động mạch chủ → tĩnh mạch chủ → mao mạch.

C. động mạch chủ → mao mạch → tĩnh mạch chủ.

D. tĩnh mạch chủ → động mạch chủ → mao mạch.

Câu 6: Mỗi chu kỳ tim người diễn ra theo trình tự là

A. Pha co tâm nhĩ (0,3s) → pha co tâm thất (0,1s) → pha dẫn chung (0,4s)

B. Pha co tâm thất (0,4s) → pha co tâm nhĩ (0,1s) → pha dẫn chung (0,4s).

C. Pha co tâm nhĩ (0,1s) → pha co tâm thất (0,3s) → pha dẫn chung (0,4s).

D. Pha dẫn chung (0,4s) → pha co tâm thất (0,3s) → pha co tâm nhĩ (0,1s).

Câu 7: Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về huyết áp?

A. Huyết áp là tốc độ máu chảy trong một giây.

B. Huyết áp tâm thu còn gọi là huyết áp tối đa, ứng với tâm thất dẫn.

C. Huyết áp cao nhất ở động mạch lớn, giảm dần ở các động mạch nhỏ.

D. Tim co bóp đẩy máu vào tĩnh mạch tạo ra huyết áp.

*** Vận dụng**

Câu 1: Tại sao một số người mắc hội chứng không dung nạp lactose thì không thể tiêu hóa được sữa?

- A. Do cơ thể sản xuất quá nhiều enzyme lactase gây ức chế sự tiêu hóa sữa.
- B. Do sữa làm ngăn cản quá trình tiêu hóa cơ học trong ruột non.
- C. Do cơ thể không có enzyme lactase – enzyme thủy phân lactose.
- D. Do cơ thể không có enzyme pepsin – enzyme thủy phân lactose.

Câu 2: Khói thuốc lá gây ra những tác động xấu cho sức khỏe người hút và người hít phải khói thuốc vì

- A. khói thuốc có chứa tác nhân gây bệnh là virus gây bệnh cho con người.
- B. khói thuốc có chứa tác nhân gây bệnh là nấm mốc gây bệnh cho con người.
- C. khói thuốc có chứa các chất hóa học độc hại như nicotine, carbon monoxide, tar.
- D. khói thuốc có chứa bụi mịn làm hệ hô hấp ngừng hoạt động ngay lập tức.

Câu 3: Vì sao phổi của chim bồ câu có kích thước rất nhỏ so với phổi của chuột nhưng hiệu quả trao đổi khí của chim bồ câu lại cao hơn so với chuột?

- A. Vì chim có đời sống bay lượn nên lấy được các khí ở trên cao sạch và có nhiều oxy hơn.
- B. Vì chim có đời sống bay lượn nên cử động cánh chim giúp phổi chim co giãn tốt hơn.
- C. Vì phổi chim có hệ thống ống khí trao đổi khí nên chứa được nhiều khí hơn, còn phổi của chuột không có hệ thống ống khí nên chứa được ít khí.
- D. Vì hệ thống hô hấp của chim gồm phổi và hệ thống túi khí, hô hấp kép và không có khí cặn.

Câu 4: Bệnh nhân bị hở van nhĩ thất sẽ dễ bị suy tim, nguyên nhân chính là do

- A. khi tâm thất co sẽ đẩy một phần máu chảy ngược lên tâm nhĩ, làm cho lượng máu chảy vào động mạch vành giảm nên lượng máu nuôi tim giảm.
- B. khi bị hở van tim thì sẽ dẫn tới làm tăng nhịp tim rút ngắn thời nghỉ của tim.
- C. khi tâm thất co sẽ đẩy một phần máu chảy ngược lên tâm nhĩ làm cho lượng máu cung cấp trực tiếp cho thành tâm thất giảm, nên tâm thất bị thiếu dinh dưỡng và oxygen.
- D. khi tâm thất co sẽ đẩy một phần máu chảy ngược lên tâm nhĩ ngăn cản tâm nhĩ nhận máu từ tĩnh mạch về phổi làm cho tim thiếu oxygen để hoạt động.

Câu 5: Vì sao ở người già, khi huyết áp cao dễ bị xuất huyết não?

- A. Vì mạch bị xơ cứng, máu bị ứ đọng, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.
- B. Vì mạch bị xơ cứng nên không co bóp được, đặc biệt là các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.
- C. Vì mạch bị xơ cứng, tính đàn hồi kém, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.
- D. Vì thành mạch dày lên, tính đàn hồi kém, đặc biệt là các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.

PHẦN II. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Tai biến mạch máu não hay còn gọi là đột quỵ xảy ra khi nguồn máu cung cấp cho não bị tắc nghẽn.

Đây được xem là một trong những bệnh lý nguy hiểm, nguy cơ tử vong cao nếu không sớm nhận biết triệu chứng tai biến và can thiệp kịp thời. Thời gian càng dài thì não tổn thương càng nặng, bệnh nhân sẽ tiến gần với bờ vực tử vong thêm một bước. Nếu may mắn được cứu sống thì người bệnh cũng dễ gặp những biến chứng nghiêm trọng như tê liệt tay chân, liệt nửa người, không thể giao tiếp. Tỷ lệ người bị tai biến mạch máu não đang có xu hướng trẻ hóa. Theo thông tin từ Tổ chức Đột quỵ Mỹ, khoảng 15% bệnh nhân bị đột quỵ trong độ tuổi khoảng từ 18 tới 45 tuổi. Tại Việt Nam, tỷ lệ người trẻ bị tai biến mạch máu não chiếm khoảng 25% các ca đột quỵ.

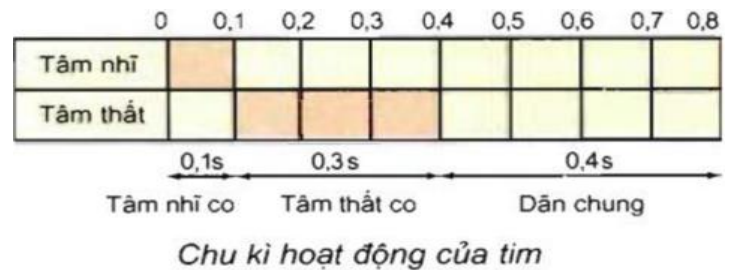
- a) Người lớn tuổi rất dễ bị bệnh lý này do thành mạch máu não bị xơ cứng dẫn tới dễ vỡ.
- b) Để ngăn ngừa bệnh tai biến mạch máu não cần có lối sống lành mạnh, tập thể dục thể thao, ăn uống khoa học đặc biệt là nên thức ăn có nhiều chất béo.
- c) Người bệnh có huyết áp thấp dễ khiến các mạch máu trong não vỡ ra và chảy máu vào các vùng não xung quanh.
- d) Do các mạch máu bị vỡ hoặc tắc nên lúc này não sẽ không được cung cấp oxy và chất dinh dưỡng khiến các tế bào não chết dần.

Câu 2. Ông Hải, 50 tuổi, người Việt Nam khi đo huyết áp thu được kết quả hiện trên máy như hình bên.



- a) Huyết áp tâm thu (ứng với lúc tim co) là 140mmHg.
- b) Huyết áp tâm trương (ứng với lúc tim giãn) là 90mmHg.
- c) Nếu kỹ thuật đo và kết quả đo chính xác thì ông Hải bị bệnh cao huyết áp.
- d) Nếu bác sĩ đo huyết áp cho ông Hải bằng huyết áp kế đồng hồ thì khi nghe thấy tiếng tim đập đầu tiên là lúc kim đồng hồ chỉ vào số 90

Câu 3. Hình sau mô tả thời gian thực hiện các pha của một chu kỳ tim, ô màu sẫm thể hiện thời gian co.



- a) Trong một chu kỳ tim, thời gian nghỉ của tâm thất nhiều hơn tâm nhĩ.
- b) Trong một chu kỳ tim, tâm nhĩ có thời gian làm việc/thời gian nghỉ là 3/5
- c) Trong một chu kỳ tim, thời gian tim nghỉ bằng thời gian tim hoạt động.
- d) Trong một chu kỳ tim, tổng thời gian nghỉ và làm việc của tâm nhĩ bằng chu kỳ tim.

Câu 4. Hút thuốc lá là một yếu tố làm tăng nguy cơ mắc các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp. Những người hút thuốc có nguy cơ mắc các biến chứng nghiêm trọng về sức khỏe do COVID-19 cao hơn so với những người không hút thuốc. Có hơn 5.000 thành phần hóa học được tìm thấy trong khói thuốc lá và hàng trăm thành phần trong số đó gây hại đến sức khỏe con người.

- a) CO trong thuốc lá gây tiết nhiều dịch nhầy dẫn đến viêm, hẹp đường dẫn khí.
- b) Tar trong thuốc lá làm tê liệt lông rung trong đường dẫn khí gây ung thư phổi, họng, miệng.
- c) Người hút thuốc lá chịu tác hại nặng hơn người không hút thuốc lá.
- d) Nicotin trong thuốc lá là chất gây nghiện, tăng nhịp tim, tăng huyết áp, tăng nguy cơ hình thành cục máu đông.

Câu 5. Dạ dày là nơi chứa thức ăn sau khi nuốt qua thực quản và trước khi đi vào hệ thống ruột. Đây là cơ quan lớn nhất của hệ thống ống tiêu hóa, có nhiệm vụ chứa thức ăn, nghiền nát, chuyển hóa một phần các thức ăn thành chất dinh dưỡng chuẩn bị quá trình hấp thu đi nuôi cơ thể. Dạ dày khi khỏe mạnh sẽ giúp hệ miễn dịch của cơ thể khỏe mạnh.

- a) pH trong dạ dày có giá trị >7 .
- b) enzyme pepsin trong dịch vị dạ dày phân giải protein trong thức ăn thành các amino acid.
- c) làm việc quá sức, căng thẳng kéo dài là những nguyên nhân hàng đầu gây đau dạ dày.
- d) vi khuẩn HP (*Helicobacter pylori*) sinh sống, phát triển trong dạ dày người và gây ra viêm loét dạ dày.

PHẦN III. Tự luận

Câu 1. Để giảm cân, một số người đã cắt giảm hoàn toàn chất béo và tinh bột khỏi khẩu phần ăn hàng ngày? Chế độ ăn như vậy đã khoa học chưa? Giải thích?

Câu 2: Giải thích vì sao những người bị viêm loét dạ dày mạn tính thường gây yếu? Cần làm gì để phòng tránh bệnh viêm loét dạ dày?

Câu 3. Trình bày cấu tạo và hoạt động của tim người.

Câu 4. Trình bày đường đi của máu trong hệ tuần hoàn đơn của cá và hệ tuần hoàn kép của thú.

4. Đề minh họa

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ

ĐỀ THI HK I NĂM HỌC 2024 - 2025

Môn thi: SINH HỌC 11

Ngày thi: .../12/2024

Thời gian làm bài: 45 phút

ĐỀ MINH HỌA

Mã đề: 001

A. PHẦN I: Mỗi câu hỏi chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Phát biểu nào đúng khi nói về các kiểu lấy thức ăn của động vật?

- A. Động vật lấy thức ăn từ môi trường sống theo 2 kiểu chính: ăn lọc và ăn hút.
- B. Ăn hút là kiểu lọc nước qua bộ phận chuyên hóa để lấy thức ăn.
- C. Động vật lấy thức ăn theo kiểu ăn hút có cấu tạo miệng phù hợp với đục lỗ và hút dịch.
- D. Hô là động vật lấy thức ăn từ môi trường theo kiểu ăn hút.

Câu 2: Hấp thụ chất dinh dưỡng chủ yếu diễn ra ở

- A. Miệng.
- B. Dạ dày.
- C. Ruột non.
- D. Ruột già.

Câu 3: Cơ quan nào sau đây có chức năng tiêu hoá một phần protein thành các peptide?

- A. Dạ dày
- B. Ruột non
- C. Khoang miệng
- D. Mật

Câu 4: Ở người, loại chất dinh dưỡng đóng vai trò nguồn cung cấp năng lượng chủ yếu cho cơ thể là

- A. chất bột đường
- B. chất đạm
- C. chất béo
- D. chất khoáng

Câu 5: Trong hệ tiêu hoá của người, các bộ phận vừa có quá trình tiêu hoá cơ học vừa tiết enzyme tiêu hoá học là

- A. miệng, thực quản, dạ dày
- B. miệng, dạ dày, ruột non
- C. thực quản, dạ dày, ruột non
- D. thực quản, dạ dày, ruột già

Câu 6: Bộ phận nào sau đây **không** có ở cơ quan hô hấp của Chim?

- A. túi khí
- B. phổi
- C. phế nang
- D. khí quản

Câu 7: Ở động vật, bộ phận hoặc cơ quan thực hiện trao đổi khí O_2 và CO_2 với môi trường gọi là

- A. ống trao đổi khí.
- B. bề mặt trao đổi khí.
- C. áp suất trao đổi khí.
- D. thể tích trao đổi khí.

Câu 8: Động vật sau đây trao đổi khí qua phổi là

- A. giun đốt, thuy tức.
- B. cá tầm, châu chấu
- C. ong, gián.
- D. hổ, hươu.

Câu 9: Ở chim, khi hít vào không khí giàu

- A. CO_2 đi vào phổi và vào nhóm túi khí sau.
- B. CO_2 đi vào phổi và vào nhóm túi khí trước.
- C. O_2 đi vào phổi và vào nhóm túi khí sau.
- D. O_2 đi vào phổi và vào nhóm túi khí trước.

Câu 10: Rèn luyện thể dục, thể thao có lợi ích gì đối với hệ hô hấp?

- A. Giúp cơ hô hấp phát triển to hơn, săn chắc hơn, co khỏe hơn.
- B. Giúp tăng nhịp thở, lấy được nhiều khí oxygen hơn.
- C. Giúp giảm thể tích khi hít vào hoặc thở ra, giảm áp lực lên phổi.
- D. Giúp phòng chống mọi bệnh tật gây ra với hệ hô hấp.

Câu 11: Vì sao lưỡng cư có thể sống được cả ở môi trường nước và môi trường cạn?

- A. Vì nguồn thức ăn ở hai môi trường đều phong phú và đa dạng.
- B. Vì chi của chúng có màng, vừa bơi được dưới nước và vừa nhảy được ở trên cạn.
- C. Vì da của chúng ẩm ướt khi ở dưới nước và khô ráo khi ở trên cạn.
- D. Vì lưỡng cư có khả năng hô hấp bằng da và phổi.

Câu 12: Hệ tuần hoàn của động vật được cấu tạo từ các bộ phận nào sau đây?

- A. Dịch tuần hoàn, tim và hệ thống mạch máu.
- B. Dịch tuần hoàn, tim và máu.
- C. Máu, nước mô và tim.
- D. Máu, tim và hệ thống bạch huyết.

Câu 13: Hệ tuần hoàn đơn có ở

A. cá

B. lưỡng cư

C. bò sát

D. chim

Câu 14: Hệ tuần hoàn hở **không** có đặc điểm nào dưới đây?

A. Tim bơm máu vào động mạch với áp lực thấp.

B. Máu chảy vào xoang cơ thể trộn lẫn với dịch mô tạo thành hỗn hợp máu - dịch mô.

C. Máu chảy trong động mạch với áp lực thấp nên tốc độ máu chảy nhanh.

D. Máu trao đổi chất trực tiếp với tế bào cơ thể, sau đó trở về tim theo các ống góp.

Câu 15: Ở hệ tuần hoàn kín, tim bơm máu vào động mạch với áp lực

A. mạnh, máu chảy liên tục trong mạch kín, từ động mạch qua tĩnh mạch, mao mạch và về tim.

B. mạnh, máu chảy liên tục trong mạch kín, từ động mạch qua mao mạch, tĩnh mạch và về tim.

C. yếu, máu chảy liên tục trong mạch kín, từ động mạch qua mao mạch, tĩnh mạch và về tim.

D. yếu, máu chảy liên tục trong mạch kín, từ mao mạch qua động mạch, tĩnh mạch và về tim.

Câu 16: Trong chu kì hoạt động của tim, thời gian tâm nhĩ co là

A. 0,2s

B. 0,1s

C. 0,5s

D. 0,3s

Câu 17: Trong hệ tuần hoàn của thú và người, loại mạch có huyết áp lớn nhất là

A. động mạch chủ

B. tĩnh mạch phổi

C. tĩnh mạch chủ

D. mao mạch

Câu 18: Bệnh nhân bị hở van nhĩ thất sẽ dễ bị suy tim, nguyên nhân chính là do

A. khi tâm thất co sẽ đẩy một phần máu chảy ngược lên tâm nhĩ, làm cho lượng máu chảy vào động mạch vành giảm nên lượng máu nuôi tim giảm.

B. khi bị hở van tim thì sẽ dẫn tới làm tăng nhịp tim rút ngắn thời nghỉ của tim.

C. khi tâm thất co sẽ đẩy một phần máu chảy ngược lên tâm nhĩ làm cho lượng máu cung cấp trực tiếp cho thành tâm thất giảm, nên tâm thất bị thiếu dinh dưỡng và oxygen.

D. khi tâm thất co sẽ đẩy một phần máu chảy ngược lên tâm nhĩ ngăn cản tâm nhĩ nhận máu từ tĩnh mạch về phổi làm cho tim thiếu oxygen để hoạt động.

PHẦN II. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Enzym tiêu hóa đóng vai trò quan trọng trong việc phân hủy thức ăn bằng cách tăng tốc độ phản ứng hóa học biến chất dinh dưỡng thành các chất mà đường tiêu hóa có thể hấp thụ. Enzym tiêu hóa tồn tại trong nước bọt, tuyến tụy, túi mật, gan và ruột. Các loại enzyme khác nhau có chức năng phân hủy các chất dinh dưỡng khác nhau

a) enzyme pepsin do dạ dày tiết ra có tác dụng phân giải protein thành các amino acid

b) người mắc bệnh về mật thường có biểu hiện chán ăn và sợ mỡ.

c) enzyme amylase do các tuyến nước bọt tiết ra có tác dụng thủy phân tinh bột thành đường glucose.

d) enzyme trypsin do tuyến tụy tiết ra phân giải các peptide thành amino acid.

Câu 2. Các bệnh hô hấp ở người: viêm mũi, viêm phế quản, ung thư khí quản, lao phổi gây hậu quả xấu đối với sức khỏe, thậm chí gây tử vong.

a) bệnh hô hấp có thể ở đường dẫn khí hoặc ở phổi

b) nguyên nhân chủ yếu gây bệnh hô hấp là do ô nhiễm không khí và khói thuốc lá

c) CO trong khói thuốc lá có khả năng kết hợp với hemoglobin làm giảm khả năng vận chuyển CO₂ của máu.

d) thuốc lá điện tử có khả năng gây ung thư gấp 15 lần thuốc lá điều.

Câu 3. Các nghiên cứu đã phát hiện ra rằng uống nhiều rượu thường xuyên có thể gây ra các cơn nhịp tim nhanh. Biến chứng do nhịp tim nhanh gây ra sẽ thay đổi tùy theo tần suất, thời gian và mức độ nghiêm trọng của từng loại loạn nhịp. Tuy nhiên, nếu tình trạng nhịp nhanh kéo dài sẽ mau chóng làm cơ tim bị suy. Đồng thời, cục máu đông hình thành khi máu ứ trong tim lúc vào cơn nhịp nhanh có thể dẫn đến nhồi máu cơ tim hoặc đột quỵ.

a) tăng nguy cơ nhồi máu cơ tim, đột quỵ, tăng glyceride...

b) làm tim đập nhanh, mạnh dẫn gây bệnh huyết áp thấp

c) về lâu dài, gây tổn thương não, làm mất trí nhớ, rối loạn vận động

d) làm rối loạn hành vi, gây nghiện, dễ nổi nóng và trầm cảm ...

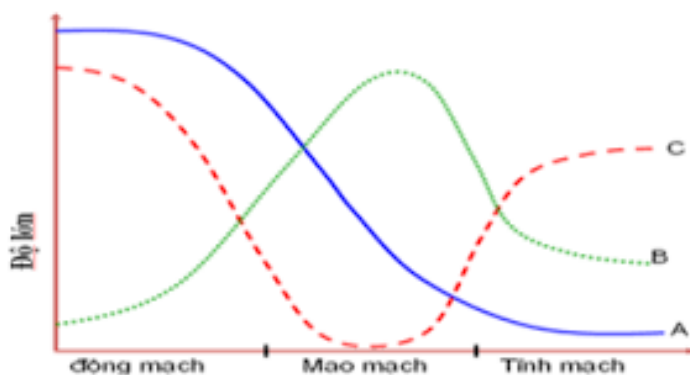
Câu 4. Quan sát hình vẽ mối quan hệ giữa huyết áp, vận tốc máu và tổng tiết diện mạch máu.

a) trong suốt chiều dài của hệ mạch, từ động mạch chủ đến mao mạch và tĩnh mạch chủ có sự biến động rõ rệt về huyết áp.

b) vận tốc máu trong hệ mạch tỉ lệ thuận với tổng tiết diện mạch máu

c) đường A là huyết áp, đường B tổng tiết diện mạch, đường C là vận tốc máu

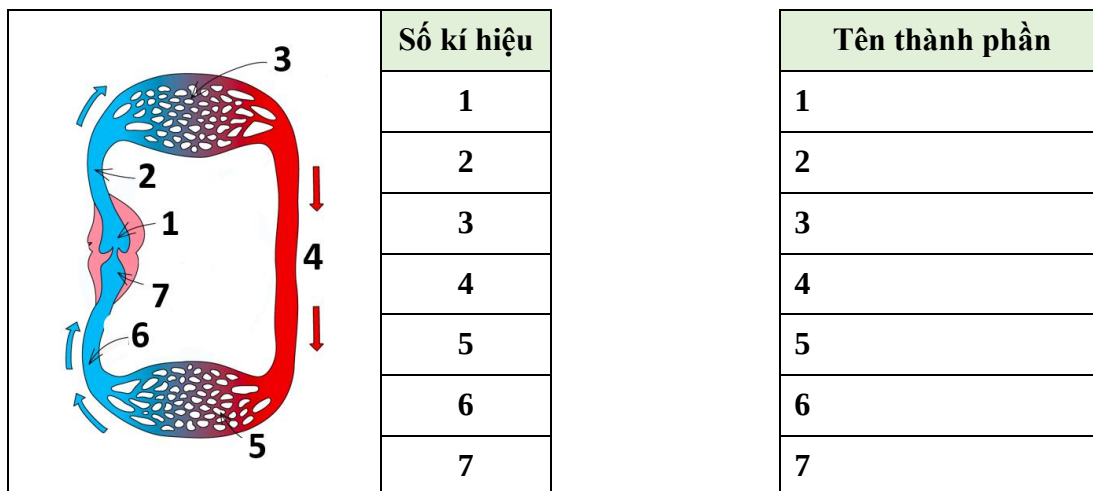
d) vận tốc máu chảy chậm nhất ở tĩnh mạch.



PHẦN III. Tự luận

Câu 1. Vận dụng những hiểu biết về tiêu hoá, hãy đề xuất một số biện pháp giúp hệ tiêu hoá khoẻ mạnh, hoạt động hiệu quả.

Câu 2: Sơ đồ sau mô tả cấu tạo và đường đi của máu trong hệ tuần hoàn đơn ở cá. Em hãy ghi chú hình cho đúng



----- HẾT -----

Hoàng Mai, ngày 5 tháng 12 năm 2024

TỔ (NHÓM) TRƯỞNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC KÌ I MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT NĂM HỌC 2024 – 2025

Khối 11:

- Cầu lông:
 - o Kỹ thuật đánh cầu thấp thuận tay và trái tay
 - o Kỹ thuật giao cầu thuận tay và trái tay
- Yêu cầu:
 - o Đánh chéo sân 10 quả, vào sân 5 quả là Đạt
 - o Giao chéo sân 5 quả, vào đúng ô 3 quả là Đạt